

🎬 **True:** (Nhấn mạnh sự đúng đắn, phù hợp với sự thật - thông tin, niềm tin)

- **Ví dụ 1:** "The witness's statement was found to be **true**."
 - (Lời khai của nhân chứng được xác định là **đúng sự thật**.)
- **Ví dụ 2:** "It is a **true** fact that the Earth revolves around the Sun."
 - (Việc Trái Đất quay quanh Mặt Trời là một sự thật **đúng đắn**.)
- **Ví dụ 3 (về niềm tin/lòng trung thành):** "She remained **true** to her principles throughout the ordeal."
 - (Cô ấy vẫn **trung thành** với những nguyên tắc của mình suốt qua thử thách đó.)

🎬 **Real:** (Nhấn mạnh sự tồn tại thực tế, đối lập với giả/hư cấu)

- **Ví dụ 1:** "Are those flowers **real** or artificial?"
 - (Những bông hoa đó là **thật** (tự nhiên) hay nhân tạo vậy?)
- **Ví dụ 2:** "He pinched himself to see if the dream was **real**."
 - (Anh ấy véo mình để xem giấc mơ đó có phải là **thật** (hiện thực) không.)
- **Ví dụ 3:** "This isn't a toy gun; it's a **real** weapon."
 - (Đây không phải là súng đồ chơi; nó là một vũ khí **thật sự**.)

🎬 **Genuine:** (Nhấn mạnh tính chính hãng, chân thành, không giả mạo)

- **Ví dụ 1:** "This is a **genuine** leather handbag, not a fake."
 - (Đây là một chiếc túi xách bằng da **thật/chính hãng**, không phải hàng giả.)
- **Ví dụ 2:** "She offered a **genuine** apology for her mistake."
 - (Cô ấy đã đưa ra một lời xin lỗi **chân thành** cho lỗi lầm của mình.)
- **Ví dụ 3:** "The antique dealer assured us the signature was **genuine**."
 - (Người bán đồ cổ cam đoan với chúng tôi rằng chữ ký đó là **thật/đích thực**.)

🎬 **Authentic:** (Nhấn mạnh tính nguyên bản, xác thực, đúng với nguồn gốc/truyền thống)

- **Ví dụ 1:** "We ate at an **authentic** Italian restaurant that made pasta from scratch."
 - (Chúng tôi đã ăn ở một nhà hàng Ý **đích thực/chuẩn vị** nơi họ tự làm mì ống.)
- **Ví dụ 2:** "The museum has an **authentic** manuscript from the 15th century."
 - (Bảo tàng có một bản thảo **nguyên gốc/xác thực** từ thế kỷ 15.)
- **Ví dụ 3:** "He is admired for his **authentic** leadership style, always true to himself."

- (Ông ấy được ngưỡng mộ vì phong cách lãnh đạo **đích thực/chân thật** của mình, luôn đúng với con người thật của ông.)